

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/3/2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Dũng và bà Trần Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết N – Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Khu phố N, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T – Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Khu phố N, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không lý do.

* *Người làm chứng:* Bà Dương Thị Th - Sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Địa chỉ: Khu phố N, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 10/3/2010 (Số 17).

Sau khi kết hôn, chị N, anh T sống hạnh phúc với nhau một thời gian, đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do

không hợp tính, thường xuyên cãi vã và bất đồng quan điểm; trong cuộc sống anh T không lo làm ăn mà hay rượu chè không quan tâm đến vợ con, chị N đã nhiều lần khuyên răn để vợ chồng chung sống làm ăn chăm lo gia đình nhưng không được. Do đó, từ đầu năm 2020 đến nay cả hai không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N nhận thấy tình cảm đã hết, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên xin được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị N, anh T có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M – Sinh ngày 04/4/2012 và Phạm Đăng K – Sinh ngày 30/01/2017, hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị N tự nguyện giao 02 con chung cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; về con chung: Giao cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản không yêu cầu nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 10/3/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh T có mâu thuẫn do không hợp tính và thường xuyên cãi vã, ông T không chăm lo cho gia đình mà hay rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Sự việc kéo dài từ đầu năm 2020 và cả hai đã tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai, quá trình giải quyết vụ án anh T đã thể hiện sự bỏ mặc, không hợp tác để Tòa vận động, hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N, anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Phạm Văn T.

[3] Về con chung: Chị N, anh T có 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M – Sinh ngày 04/4/2012 và Phạm Đăng K – Sinh ngày 30/01/2017, 02 cháu còn nhỏ, hiện đang do anh T nuôi dưỡng, cháu M có nguyện vọng được ở với anh T. Do đó, để đảm bảo cho các cháu được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, cần tiếp tục giao con cho anh T nuôi dưỡng. Anh T cố tình vắng mặt nên về cấp dưỡng nuôi con HĐXX không xét, khi anh T có yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ án khác theo quy định.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Phạm Thị Diễm M – Sinh ngày 04/4/2012 và Phạm Đăng K – Sinh ngày 30/01/2017. Chị Nguyễn Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại phiếu thu số 0003665 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hoà;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Tấn Hồng

